

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày 12-7-2024
*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun là thư ký TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST-DS, ngày 24/01/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-DS, ngày 21/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2024/QĐST-DS, ngày 07/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2024/QĐST-DS, ngày 25/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Mùi P – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: bà Vi Thị L, địa chỉ: Nguyễn T, tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2024) – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1987 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 – đều vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2024 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 23/01/2024), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Vi Thị L trình bày:

Trước đây bà Hoàng Mùi P quen biết vợ chồng ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị H. Khi đó bà P có cho ông T, bà H chót giá cà phê tươi lấy tiền trước và sau đó

trả cả phê sau. Ngày 30 tháng 12 năm 2023, ông T bà H đã viết cho bà P “Giấy vay nợ (Chốt Cà phê)” với tổng số tiền nợ là 182.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*) hẹn từ ngày 16 tháng 01 năm 2024 trả góp mỗi tháng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Tuy nhiên ông T, bà H hứa hẹn bà P nhiều lần, đồng thời ông T, bà H chưa trả số tiền nào. Hành vi của ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị H đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Hoàng Mùi P. Việc mua bán làm ăn này là bằng tài sản riêng của bà Hoàng Mùi P, bởi thế chồng và các con bà P không liên quan cũng như không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại đơn khởi kiện Nguyên đơn yêu cầu ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Hoàng Mùi P số tiền 183.913.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu chín trăm mười ba nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 182.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*) và tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 30/12/2023 đến ngày 19/01/2024 là 1.913.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Mùi P có đơn thay đổi yêu cầu là không yêu cầu ông Trương Văn T liên đới cùng với bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện mà chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Hoàng Mùi P số tiền gốc là 182.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*) và tính lãi suất $10\%/năm = 0,83\%/tháng$ kể từ ngày 17/01/2024 đến ngày xét xử ngày 12/7/2024 là 05 tháng 25 ngày là: $182.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 05 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 8.811.833 \text{ đồng}$ (làm tròn 8.812.000 đồng), tổng số tiền là 190.812.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Văn T trình bày: Bà Hoàng Mùi P khởi kiện ông T bà H số tiền gốc là 182.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*) và tính lãi suất $10\%/năm = 0,83\%/tháng$ thì ông T không đồng ý thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của bà P vì ông không biết số tiền vay này và cũng như không ký vào giấy vay nợ. Ông T xin vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền 190.812.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng tám trăm mười hai nghìn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 182.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi với mức lãi suất là $0,83\%/tháng$, thời hạn tính lãi kể từ ngày 17/01/2024 đến ngày xét xử ngày 12/7/2024, là 05 tháng 25 ngày, cụ thể: $182.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 05 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 8.812.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản gốc 01 giấy vay nợ (Chốt cà phê) đề ngày 30/12/2023. Đây là các tài liệu do Nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được theo đúng trình tự thủ tục được chấp nhận làm căn cứ để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Hoàng Mùi P khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền gốc là 182.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị H có địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc.

Tài liệu của Nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là “Giấy vay nợ (Chốt cà phê)” viết bằng bút mực màu xanh đề ngày 30/12/2023 thể hiện vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Trương Văn T chốt của bà Hoàng Mùi P 11 tấn cà phê tươi và tiền phải trả là 182.000.000 đồng, trả góp theo tháng, vào ngày 16/01/2024 sẽ bắt đầu trả, một tháng 10.000.000 đồng và cam kết trách nhiệm với khoản vay của mình, nếu không góp đúng ngày sẽ phải chịu lãi ngày và có chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến của mình về việc nợ tiền của bà P, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Trương Văn T liên đới cùng với bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện mà chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Hoàng Mùi P với số tiền nợ gốc là 182.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 6; Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn và buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Mùi P số tiền nợ gốc là 182.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*).

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp không thể mức lãi suất cụ thể. Quá trình giải quyết, Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 17/01/2024 đến ngày xét xử ngày 12/7/2024 là 05 tháng 25

ngày. Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất mà Nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền lãi là: $182.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng} 25 \text{ ngày}$ (từ ngày 17/01/2024 đến ngày 12/7/2024) = 8.811.833 đồng (làm tròn 8.812.000 đồng).

[2.3]. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi do Nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở nên cần buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Hoàng Mùi P tổng số tiền là $182.000.000 \text{ đồng} + 8.812.000 \text{ đồng} = 190.812.000 \text{ đồng}$ (*Một trăm chín mươi triệu tám trăm mười hai nghìn đồng*)

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $190.812.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.540.600 \text{ đồng}$ (làm tròn 9.541.000 đồng) (*Chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng*) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Mùi P.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Hoàng Mùi P tổng số tiền là 190.812.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu tám trăm mười hai nghìn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 182.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng, tính từ ngày 17/01/2024 đến ngày 12/7/2024, là 05 tháng 25 ngày, cụ thể: $182.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 8.811.833 \text{ đồng}$ (làm tròn 8.812.000 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.541.000 đồng (*Chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng*) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Hoàn trả bà Hoàng Mùi P số tiền 4.598.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà Hoàng Mùi P (người nộp tiền bà Vi Thị L) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0000495, ngày 23/01/2024

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Võ Thị Nhi